

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2021/HS - ST

Ngày: 20/8/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Ngô Thế Tương

Các Hội thẩm nhân dân : Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:

Bà: Vũ Thị Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/2021/TLST – HS ngày 12 tháng 7 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST ngày 05 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo :

1. Vũ Đình Đ, sinh ngày 15/10/1996.

Nơi cư trú: tổ dân phố N, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông Vũ Xuân L, sinh năm 1960; con bà Đào Thị H, sinh năm 1966 đều trú tại tổ dân phố N, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự, tiền án: không.

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi cho ăn học hết lớp 12/12, sau đó nghỉ học lao động tự do. Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2016/HSST ngày 21/3/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng về tội "Cướp giật tài sản", bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/4/2021 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. "Có mặt"

2. Họ và tên: Lê Ngọc T1, sinh ngày 28/7/1995.

Nơi cư trú: thôn Đ xã H1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông Lê Ngọc L1, sinh năm 1969 con bà Vũ Thị M, sinh năm 1968 đều trú tại thôn Đ, xã H1, huyện T, tỉnh Thái Bình, bị cáo chưa có vợ con

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12, sau nghỉ học lao động tự do tại địa phương.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/4/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thái Thụy. "Có mặt"

3. Trần Thị T2, sinh ngày 23/8/1994.

Nơi cư trú: thôn C, xã H2, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông Trần Minh T3 (đã chết) con bà Trần Thị M2, sinh năm 1978, hiện lao động tại huyện S, tỉnh Lai Châu, có chồng là Phạm Văn B, sinh năm 1983, trú tại thôn C, xã H2, huyện T, tỉnh Thái Bình. Hiện đang chấp hành án phạt tù, bị cáo có 01 con sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi cho ăn học hết lớp 9/12, sau đó nghỉ học lao động tự do.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/4/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. "Có mặt"

4. Nguyễn Văn T4, sinh ngày 24/7/1984.

Nơi cư trú: tổ 34 cụm 5, phường ĐK, quận Q, thành phố Hải Phòng.

Chỗ ở: số nhà 277, tổ dân phố số N, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1956 con bà Trần Thị T6, sinh năm 1956 đều trú tại tổ 34 cụm, phường ĐK, quận Q, thành phố Hải Phòng, có vợ là Phạm Thị T7, sinh năm 1983 (đã ly hôn). Bị cáo có 01 con sinh năm 2004.

Tiền án: không

Tiền sự: Ngày 04/5/2020, bị Công an thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” số tiền phạt 1.500.000 đồng.

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi cho ăn học hết lớp 5/12, sau đó nghỉ học lao động tự do. Từ năm 2002 - 2004, tham gia nghĩa vụ quân sự. Ngày 13/01/2009, bị Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 63 đưa vào Cơ sở giáo dục, chấp hành xong ngày 14/12/2010 về địa phương. Ngày 12/01/2012, bị Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 73 đưa vào Cơ sở giáo dục, chấp hành xong ngày 30/11/2013 về địa phương. Ngày 05/9/2014, bị Tòa án nhân dân huyện CH, thành phố Hải Phòng xử phạt 40 tháng tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 15/2014/HSST, ngày 30/8/2016 chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/4/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. "Có mặt"

- Người chứng kiến: Ông Nguyễn Hữu H5, sinh năm 1959 "Vắng mặt"

Nơi cư trú: SN 338, tổ dân phố số U, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 01/4/2021, Lê Ngọc T1 nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho Vũ Đình Đ với nội dung “K cs tiền để họp hành tí nhĩ” mục đích rủ Đ cùng mua ma túy đá về sử dụng. ĐĐạt hiểu ý nên nhắn lại cho T1 “Kiếm 2l đi”, ý là kiếm 200.000 đồng. Sau khi nhận tin nhắn và vay được 200.000 đồng, T1 đi xe mô tô đến đón Đ. Trước đó khi nhận được tin nhắn của T1, Đ nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho Trần Thị T2 với nội dung “Buồn không có gì chơi”, “Kiếm gì chơi đi” mục đích rủ T2 góp tiền mua ma túy về cùng sử dụng. T3 đồng ý, bảo Đ đến lấy tiền. Biết T2 đang thuê phòng 202, nhà nghỉ Thiên Thuận có địa chỉ tại số nhà 338, tổ dân phố số U, thị trấn D, huyện T, Đ chở T1 đến trước cửa nhà nghỉ rồi gọi điện cho T2. T2 xuống gặp và đưa cho Đ 200.000 đồng và nói “anh kiếm cái nôi, nôi của em hông rồi” (“nôi” ý nói là chiếc công để sử dụng ma túy). Đ cầm tiền của T2 và chở T1 đi

mua ma túy, khi đi T1 nói với Đ “tôi xoay được một lít thôi” và đưa cho Đ 100.000 đồng. Trên đường đi Đ gọi điện cho Nguyễn Văn T4 hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá thì T4 đồng ý. Khi đến gần nhà T4, Đ dùng xe bảo T1 đứng chờ, còn một mình Đ đi vào nhà T4. Đ mua của T4 một túi ma túy với giá 300.000 đồng và xin T4 01 bộ công cụ thủy tinh để sử dụng ma túy. Sau đó, Đ và T1 về nhà nghỉ Thiên Thuận rồi đi lên phòng 202 của nhà nghỉ, nơi T2 đang thuê, tại đây Đ, T1 và T2 bỏ ma túy ra để sử dụng, khi đang sử dụng ma túy thì bị tổ công tác Công an huyện T kiểm tra phát hiện bắt giữ.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn T4 thu trong phòng ngủ của T4 01 túi nilon trong suốt bên trong chứa 05 túi nilon nhỏ đều chứa chất dạng tinh thể trong suốt, T4 khai đó là ma túy để sử dụng và bán kiếm lời. Cơ quan điều tra đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, quản lý và niêm phong vật chứng gửi giám định.

- Bản kết luận giám định số 106/KLGĐMT-PC09 ngày 05/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: Vật chứng trong phong bì niêm phong Mẫu số A1, thu giữ của Thanh gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 1,3519 gam

- Bản kết luận giám định số 107/KLGĐMT-PC09 ngày 05/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: Vật chứng trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,2750 gam

- Bản kết luận giám định số 108/KLGĐMT - PC09 ngày 05/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: Trong các mẫu nước tiểu của Trần Thị T2, Vũ Đình Đ, Lê Ngọc T1 gửi giám định đều tìm thấy sản phẩm chuyển hóa của ma túy, loại Methamphetamine.

- Phiếu trả lời kết quả về việc xác định tình trạng nghiện ma túy của Bệnh viện tâm thần - Sở y tế tỉnh Thái Bình đối với Lê Ngọc T1, Vũ Đình Đ, Trần Thị T2 là chưa xác định nghiện ma túy, không đáp ứng tiêu chuẩn nghiện ma túy.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận giám định nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 64/CT- VKSTT ngày 09 tháng 7 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố các bị cáo Đ, T1, Thương về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy " theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo T4 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255 Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 (Đ được hưởng thêm khoản 2) Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ, T1, T2.

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251, khoản 3 Điều 35, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T4.

Đề nghị xử phạt bị cáo

Vũ Đình Đ từ 07 năm 06 tháng đến 07 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2021.

Lê Ngọc T1 từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2021.

Trần Thị T2 từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Đ, T1, T2.

Nguyễn Văn T4 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2021. Phạt bổ sung bị cáo T4 từ 05 triệu đồng đến 07 triệu đồng

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, việc đưa các bị cáo ra xét xử là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, các bị cáo nói lời sau cùng: Rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Người chứng kiến vắng mặt nhưng tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ lưu trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, truy tố phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản quản lý niêm phong vật chứng, bản kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án

[4]. Như vậy đủ căn cứ để xác định: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 01/4/2021 tại phòng 202, nhà nghỉ Thiên Thuận, số nhà 338, tổ dân phố số U, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình, các bị cáo Vũ Đình Đ, Lê Ngọc T1, Trần Thị T2 đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, số ma túy mà Đ, T1, T2 tổ chức sử dụng trái phép này là mua của Nguyễn Văn T4 với giá 300.000 đồng, trong đó T2 góp 200.000 đồng, T1 góp 100.000 đồng để Đ chở T1 đến mua ma túy của T4. Khi đang sử dụng thì bị Công an huyện T phát hiện thu giữ 0,2750 gam ma túy, loại Methamphetamine. Cùng ngày Công an huyện T đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn T4 thu giữ 1,3519 gam Methamphetamine của T4 mục đích tàng trữ để sử dụng và bán kiếm lời. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của ma túy do nhà nước độc quyền quản lý, nhưng vẫn thực hiện hành vi mua bán và tổ chức sử dụng, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy, hành vi của Đ, T1, T2 đã phạm vào tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự, hành vi của T4 đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Do đó cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

.....

b) Đối với 02 người trở lên;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”

Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm một công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản

[5]. Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ đồng phạm giản đơn, các bị cáo tiếp nhận ý chí của nhau không có sự phân công, phân nhiệm một cách cụ thể rõ ràng.

Bị cáo Đ là người trực tiếp đi mua ma túy và chuẩn bị dụng cụ để sử dụng nên bị cáo trên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án, bị cáo T1 là người khởi xướng và góp 100.000 đồng để mua ma túy nên giữ vai trò thứ hai, bị cáo T2 góp 200.000 đồng để Đ, T1 đi mua ma túy về cùng sử dụng nên giữ vai trò thấp nhất trong vụ án

[6]. Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng đến sức khỏe và sự phát triển lành mạnh của nòi giống, làm khánh kiệt về kinh tế, là nguyên nhân gây ra nhiều tệ nạn cho xã hội. Bị cáo Đ là người có nhân thân xấu, từng bị kết về tội "Cướp giật tài sản", bị cáo T4 có 01 tiền sự về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, và là người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 02 lần bị đưa vào cơ sở giáo dục. Vì vậy cần thiết phải quyết định một hình phạt tù, cách ly tất cả các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo Đ có ông nội là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng nhiều huân, huy chương, bị cáo T4 có thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam nên các bị cáo Đ, T4 được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Đ, T1, T2 lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự. Bị cáo T4 mục đích bán ma túy để kiếm lời nên cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về nguồn gốc số ma túy, bị cáo T4 khai 05 gói ma túy loại Methamphetamine bị thu giữ và 01 gói đã bán cho Vũ Đình Đ là do bị cáo mua trước đó 01 tháng tại khu vực đường tàu Hải Phòng mục đích để sử dụng cho bản thân và ai mua thì bán kiếm lời. Bị cáo không biết tên, tuổi,

địa chỉ và không nhớ đặc điểm của người bán ma túy cho bị can nên Cơ quan điều tra không cơ sở để điều tra xác minh, xử lý

[8]. Đối với nhà nghỉ Thiên Thuận thuộc quản lý của gia đình ông Nguyễn HH, sinh năm 1959, trú tại tổ dân phố số U, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Qua quá trình xác minh, lấy lời khai xác định ông HH hoàn toàn không biết việc các đối tượng sử dụng ma túy đá tại phòng nghỉ 202 tối ngày 01/4/2021, nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với ông Nguyễn HH và đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[9]. Về xử lý vật chứng của vụ án:

Cơ quan điều tra đã quản lý và thu giữ: 01 miếng bìa cát tông; 02 bật lửa ga màu đỏ; 01 túi nilon trong suốt có gờ cài viền màu xanh; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá tự chế (không có công thủy tinh); 0,2477 gam ma túy, loại Methamphetamine thu giữ của Đ, T1, T2 còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định; 1,2561 gam ma túy, loại Methamphetamine thu giữ của T4 còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart vỏ màu đen, số IMEI 353442110644223 đã qua sử dụng thu của Lê Ngọc T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng, số IMEI 356098095741850 đã qua sử dụng thu của Vũ Đình Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu ghi trắng, số IMEI 990002780319610 đã qua sử dụng thu của Trần Thị T2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo vỏ chuyển ba màu tím - đen - xanh, số IMEI 863195044040495 đã qua sử dụng thu của Nguyễn Văn T4, số tiền 300.000 đồng thu giữ của T4 là tiền bán ma túy; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá tự chế thu tại chỗ ở của Nguyễn Văn T4. Đây là những công cụ, phương tiện và tiền dùng vào việc phạm tội cần phải tịch thu tiêu hủy và sung vào công quỹ nhà nước.

Cơ quan điều tra còn quản lý của T4 370.000 đồng và 01 giấy Cấn cước công dân mang tên Nguyễn Văn T4; Quản lý của T2 100.000 đồng; Quản lý của Đ 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên Vũ Đình Đ, xét thấy những vật chứng trên không liên quan gì đến hành vi phạm tội nên cần tuyên trả cho bị cáo T4, T2, Đ.

[10]. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm
Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Vũ Đình Đ, Lê Ngọc T1 và Trần Thị T2 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy "

Bị cáo Nguyễn Văn T4 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy "

2.Về hình phạt:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255 Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 (Đ được hưởng thêm khoản 2) Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Đình Đ 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2021.

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc T1 07 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2021.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T2 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Đ, T1, T2.

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 251, khoản 3 Điều 35, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T4 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2021.

Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng, số tiền này để sung công quỹ nhà nước.

3.Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ 01 miếng bìa cát tông; 02 bật lửa ga màu đỏ; 01 túi nilon trong suốt có gờ cài viền màu xanh; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá tự chế (không có công thủy tinh); 0,2477 gam ma túy, loại Methamphetamine thu giữ của Đ, T1, T2 còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định; 1,2561 gam ma túy, loại Methamphetamine thu giữ của T4 còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá tự chế thu tại chỗ ở của Nguyễn Văn T4.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart vỏ màu đen, số IMEI 353442110644223 đã qua sử dụng thu của Lê Ngọc T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng, số IMEI 356098095741850 đã qua sử dụng thu của Vũ Đình Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu ghi trắng, số IMEI 990002780319610 đã qua sử dụng thu của Trần Thị T4; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo vỏ chuyển ba màu tím - đen - xanh, số IMEI 863195044040495 đã qua sử dụng thu của Nguyễn Văn T4 và số tiền 300.000 đồng thu giữ của T4 là tiền do mua bán ma túy mà có.

Trả lại cho bị cáo T4 370.000 đồng và 01 giấy Căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn T4. Trả lại cho bị cáo T2 100.000 đồng. Trả lại cho bị cáo Đ 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên Vũ Đình Đ.

(Tất cả vật chứng như trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữ cơ quan công an và Chi cục thi hành án huyện T ngày 12 tháng 7 năm 2021)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; NQ 326/2016/UBTVQH 14 về Án phí, Lệ phí Tòa án

Các bị cáo Vũ Đình Đ, Lê Ngọc T1, Trần Thị T2 và Nguyễn Văn T4, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm .

5. Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thái Thụy
- VKSND tỉnh TB
- TAND tỉnh TB
- Chi cục THA huyện Thái Thụy
- TAND tỉnh TB
- Nhà tạm giữ CA Thái Thụy
- Trại giam CA tỉnh TB
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Tương